



TẠP CHÍ KHOA HỌC ĐẠI HỌC TÂN TRÀO

ISSN: 2354 - 1431

<http://tckh.daihoctantrao.edu.vn/>



OPPORTUNITIES - CHALLENGES FOR VIETNAMESE HIGHER EDUCATION IN THE TREND OF INTERNATIONAL INTEGRATION

Nguyen Ngoc Hieu^{1,*}

¹ Thai Nguyen University of Education, Vietnam

* Email address: nguyenngochieutlgd@gmail.com

<https://doi.org/10.51453/2354-1431/2021/492>

Article info

Received:
12/11/2020

Accepted:
22/02/2021

Keywords:

*Opportunities,
challenges, higher
education, integration*

Abstract

The article clearly shows some basic problems in the integration in different fields of Vietnam, thereby bringing Vietnam's education in general, higher education in particular, the challenges at the same time. opportunities for higher education step by step bring high quality in integration trend. On the other hand, also pointed out some basic orientations for higher education today.



CƠ HỘI - THÁCH THỨC CHO GIÁO DỤC ĐẠI HỌC VIỆT NAM TRONG XU THẾ HỘI NHẬP QUỐC TẾ

Nguyễn Ngọc Hiếu^{1,*}

¹ Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên, Việt Nam

* Địa chỉ email: nguyennngochieutlgd@gmail.com

<https://doi.org/10.51453/2354-1431/2021/492>

Thông tin tác giả

Ngày nhận bài:

12/11/2020

Ngày duyệt đăng:

22/02/2021

Từ khóa:

Cơ hội, thách thức, giáo dục đại học, hội nhập

Tóm tắt:

Bài báo chỉ rõ một số vấn đề cơ bản trong công cuộc hội nhập trên các lĩnh vực khác nhau của Việt Nam, từ đó mang lại cho giáo dục Việt Nam nói chung, giáo dục đại học nói riêng những thách thức đồng thời là những cơ hội để giáo dục đại học từng bước nâng cao chất lượng trong xu thế hội nhập. Mặt khác, cũng chỉ ra một số định hướng cơ bản cho giáo dục đại học hiện nay.

1. Đặt vấn đề

Quốc tế hóa giáo dục đại học góp phần nâng cao chất lượng và trải nghiệm học tập toàn cầu, giúp thúc đẩy quá trình hội nhập của giáo dục đại học Việt Nam trong khu vực và trên thế giới để từ đó mang lại tiềm năng nghề nghiệp cho sinh viên. Nhận thấy tầm quan trọng đó, Bộ Giáo dục và Đào tạo phối hợp cùng một số trường đại học Việt Nam, phát triển chiến lược quốc tế hóa giáo dục đại học đầu tiên giai đoạn 2017–2020, tập trung phát triển về quản trị đại học, đào tạo, nghiên cứu và các chương trình xây dựng kỹ năng.

Tuy nhiên, điều quan trọng là ý thức và quyết tâm cũng như từng bước học hỏi và áp dụng các chuẩn chất lượng trong việc đổi mới giáo dục đại học một cách liên tục, toàn diện và hệ thống để các lãnh đạo giáo dục đại học Việt Nam nhanh chóng bắt kịp sự phát triển của các nước trong khu vực, góp phần vào sự phát triển chung của khu vực.

Một số thuận lợi trong xu thế hội nhập; trước sự lớn mạnh của đất nước, với vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế, năng lực của nền giáo dục Việt Nam hiện nay nói chung, giáo dục đại học nói riêng

có thể và cần phải hội nhập quốc tế về giáo dục, cùng với các lĩnh vực khác. Việt Nam có thể và lực để đẩy mạnh việc hợp tác một cách bình đẳng và có hiệu lực trong lĩnh vực giáo dục nói chung và nghiên cứu khoa học giáo dục nói riêng. Theo điều lệ của Hiệp định chung về thương mại dịch vụ, chúng ta có thể khai thác những cơ hội để thu hút vốn nước ngoài, liên doanh xây dựng các cơ sở giáo dục, đào tạo với 100% vốn đầu tư nước ngoài, tạo điều kiện cho việc nâng cao giáo dục chất lượng và mở rộng việc "du học tại chỗ"...

Bên cạnh đó, những khó khăn về cơ sở vật chất đào tạo, thiết bị dạy học và trình độ về khoa học tự nhiên, công nghệ còn thấp so với nhiều nước, nhất là giáo dục đại học và chuyên nghiệp, chưa đủ sức tham gia thị trường giáo dục quốc tế để thực hiện các hình thức dịch vụ quốc tế về giáo dục. Vì vậy, việc xuất khẩu giáo dục của nước ta rất yếu không có khả năng cạnh tranh với nước ngoài, nhất là mặt khoa học kỹ thuật. Một điều đáng lo ngại nhất là việc thực hiện và giữ vững mục tiêu giáo dục trong

việc “liên doanh, liên kết”, việc giáo dục tư tưởng, lí tưởng cho các du học sinh Việt Nam và học sinh, sinh viên Việt Nam ở các trường quốc tế trong nước ta. Chúng ta phải đào tạo những con người Việt nam có trình độ khoa học cao, trung thành với lí tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, chứ không phải những con người nắm vững khoa học, kĩ thuật, thông thạo ngoại ngữ, chủ yếu là tiếng Anh, để đi "làm thuê" cho chủ doanh nghiệp nước ngoài ở Việt Nam hay xuất khẩu lao động, "chảy máu chất xám".

Chính vì vậy, cần làm sao cho luật pháp trong lĩnh vực giáo dục phù hợp với các quy định có tính pháp lí của WTO, làm sao cho việc liên doanh, liên kết quốc tế về giáo dục không làm chệch phương hướng, đường lối giáo dục của Đảng, xa rời mục tiêu giáo dục đã quy định trong Luật Giáo dục. Đây là vấn đề thực hiện và bảo đảm độc lập dân tộc, chủ quyền quốc gia về mặt giáo dục trong hội nhập quốc tế. Vì vậy, việc thực hiện xu thế khách quan của toàn cầu hóa nói chung, trong giáo dục nói riêng theo phương châm "vừa có hợp tác, vừa có đấu tranh" thể hiện tính đảng, nghệ thuật của các nhà giáo dục và quản lí giáo dục.

2. Cơ hội - thách thức cho giáo dục đại học Việt Nam trong xu thế hội nhập

2.1. Hội nhập quốc tế

Trong kỷ nguyên mới, sự phát triển của kinh tế thị trường đặt ra cho các quốc gia không ngừng mở rộng thị trường, hình thành thị trường khu vực và quốc tế. Đây chính là động lực chủ yếu thúc đẩy quá trình hội nhập quốc tế. Hội nhập quốc tế là một quá trình tất yếu, có lịch sử phát triển lâu dài và có nguồn gốc, bản chất xã hội của lao động và sự phát triển văn minh của quan hệ giữa con người với con người.

Về bản chất, hội nhập quốc tế chính là một hình thức phát triển cao của hợp tác quốc tế. Hội nhập quốc tế cũng như các hình thức hợp tác quốc tế khác đều vì lợi ích quốc gia, dân tộc. Nhìn tổng thể thì hội nhập quốc tế có ba cấp độ chính là: Hội nhập toàn cầu, khu vực và song phương. Các phương thức hội nhập này được triển khai trên các lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội, bao gồm: *Hội nhập kinh tế quốc tế; Hội nhập trong lĩnh vực chính trị, quốc phòng, an ninh; Hội nhập quốc tế trong lĩnh vực văn hóa- xã hội, giáo dục; Hội nhập quốc tế trong lĩnh vực khoa học - công nghệ và các lĩnh vực khác.*

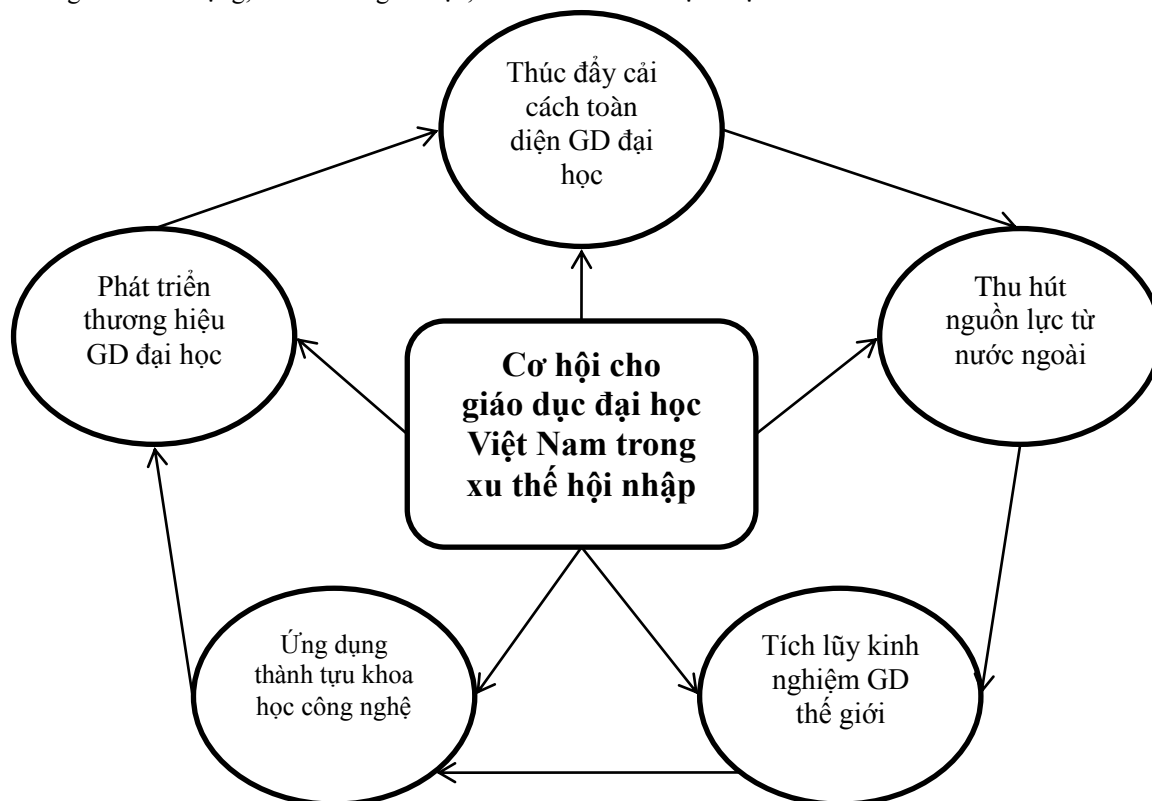
Hội nhập quốc tế trong lĩnh vực văn hóa- xã hội, giáo dục, khoa học - công nghệ và các lĩnh vực khác:

Hội nhập quốc tế trong lĩnh vực văn hóa- xã hội, giáo dục, khoa học - công nghệ và các lĩnh vực khác	Mục đích của hội nhập quốc tế về văn hoá là tiếp thu các giá trị văn hóa tiến bộ của thế giới để bổ sung và làm giàu nền văn hóa của dân tộc, quốc gia mình. Hội nhập quốc tế về văn hoá – xã hội có thể thông qua việc tham gia các tổ chức hợp tác và phát triển văn hóa.
	Các vấn đề về xã hội như: Lao động, việc làm, bảo vệ môi trường, chăm sóc sức khoẻ cho người dân, cộng đồng, bảo trợ xã hội, chăm sóc và bảo vệ trẻ em, phòng chống tệ nạn xã hội, bảo đảm bình đẳng giới và các vấn đề khác thuộc lĩnh vực xã hội, Việt Nam hợp tác với quốc tế để phát triển, giải quyết tốt.
	Tìm kênh tiếp cận thích hợp, lựa chọn lĩnh vực mũi nhọn, đột phá. Việc hội nhập quốc tế về giáo dục, đào tạo có thể thông qua nhiều kênh khác nhau, từ việc ký kết điều ước quốc tế thực hiện hợp tác giáo dục, đến việc trao đổi, tham gia các hoạt động quốc tế khác nhằm nâng cao chất lượng, tiêu chuẩn giáo dục, đào tạo trong nước. Đảm bảo thực hiện trong tất cả các khâu của giáo dục và đào tạo, đồng thời kiểm tra, đánh giá theo chuẩn mực quốc tế và xây dựng cơ sở vật chất liên quan đến giáo dục, đào tạo theo tiêu chuẩn tốt của quốc tế.
	Tiếp cận, theo kịp trình độ tiên tiến của thế giới, thông qua đó nâng cao trình độ nghiên cứu, sử dụng thành tựu khoa học – công nghệ ở trong nước, rút ngắn khoảng cách công nghệ của Việt Nam so với các quốc gia phát triển, cải thiện kết cấu hạ tầng kỹ thuật, tăng cường tiềm lực khoa học và công nghệ của Việt Nam.
	Các lĩnh vực khác của đời sống xã hội, như: Lao động, y tế, thể thao, v.v.. tạo nên một quá trình tổng thể, thống nhất trong sự mở cửa, hợp tác sâu với quốc tế nhằm tiếp thu những thành tựu, giá trị tốt đẹp trong quá trình phát triển của nhân loại trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội ở Việt Nam

2.2. Cơ hội cho giáo dục đại học Việt Nam trong xu thế hội nhập

Hội nhập quốc tế về giáo dục, đào tạo có thể thông qua nhiều kênh khác nhau, từ việc ký kết điều ước quốc tế thực hiện hợp tác giáo dục, đến việc trao đổi, tham gia các hoạt động quốc tế khác nhằm nâng cao chất lượng, tiêu chuẩn giáo dục, đào

tạo trong nước. Đảm bảo thực hiện trong tất cả các khâu của giáo dục và đào tạo, đồng thời kiểm tra, đánh giá theo chuẩn mực quốc tế và xây dựng cơ sở vật chất liên quan đến giáo dục, đào tạo theo tiêu chuẩn tốt của quốc tế. Chính những điều này sẽ tạo cơ hội cho giáo dục đại học ở các khía cạnh cụ thể sau:



Vấn đề thứ nhất - Thúc đẩy cải cách toàn diện giáo dục đại học: Sự thâm nhập các trường đại học nước ngoài vào thị trường Việt Nam, cán cân cung cầu sẽ thay đổi. Việc độc quyền của các trường trong nước không còn nữa, đồng nghĩa với việc sẽ không còn chỗ cho dịch vụ kém chất lượng. Các cơ sở giáo dục đại học dù muốn hay không cũng phải tích cực thay đổi để có thể tồn tại và phát triển, nếu không muốn bị tụt hậu hay thậm chí bị đào thải. Chủ động hội nhập khiến sự cạnh tranh trên thị trường giáo dục đại học ngày càng gay gắt hơn, song đó cũng là một nhân tố thúc đẩy nền giáo dục nước ta đổi mới sâu sắc và toàn diện, hướng tới xây dựng một xã hội học tập mở và dân chủ.

Vấn đề thứ hai - Thu hút nguồn lực từ nước ngoài: Hội nhập giáo dục đã, đang và sẽ kéo theo làn sóng đầu tư mạnh mẽ từ bên ngoài. Đầu tư nước ngoài gia tăng, ngoài những lợi ích kinh tế khác, sẽ góp phần đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao, năng động và sáng tạo đồng thời giải quyết được vấn đề việc làm cho người lao động trong nhiều

ngành kinh tế. Thông qua quá trình hội nhập, giáo dục đại học Việt Nam có cơ hội đón nhận nguồn lực đa dạng hơn để phục vụ cho phát triển, bao gồm tài chính, khoa học công nghệ, văn hóa quản lý... và đặc biệt là lực lượng chuyên gia giáo dục có trình độ quốc tế, nhờ đó sinh viên Việt Nam có thể "du học tại chỗ".

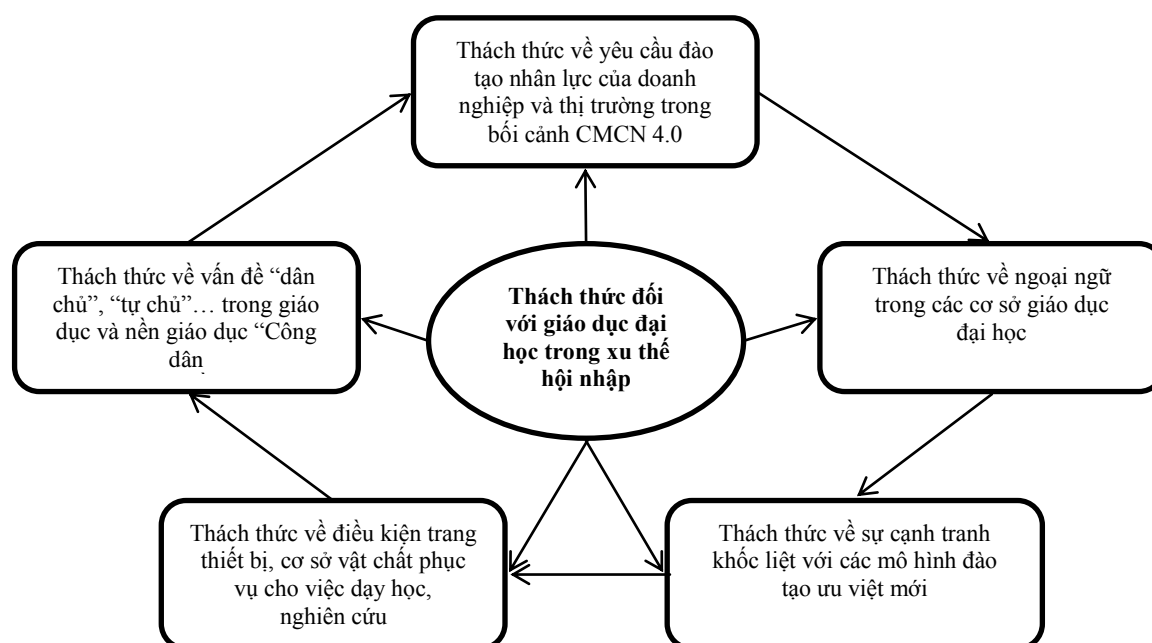
Vấn đề thứ ba - Tích lũy, học hỏi từ kinh nghiệm giáo dục tiến bộ thế giới: Cơ hội tiếp cận với các mô hình giáo dục hiện đại, các chương trình đào tạo, phương pháp giảng dạy tiên tiến của những quốc gia đã thành công trong lĩnh vực này; từ đó có thể vận dụng sáng tạo vào thực tiễn phát triển nước mình. Hội nhập mở ra khả năng giao lưu, trao đổi kinh nghiệm rộng lớn và tìm tòi rất nhiều phương thức học hỏi lẫn nhau với những bài học phong phú ở quy mô quốc tế. Như kinh nghiệm quản lý vĩ mô, hoạch định ngân sách và khai thác đầu tư, xây dựng chiến lược và xúc tiến các dự án phát triển giáo dục, thử nghiệm các mô hình nghiên cứu - đào tạo - sản xuất liên thông và gắn với thị trường lao động, với hoàn cảnh kinh tế - xã hội...

Vấn đề thứ tư - Ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ trong giáo dục đại học: Khoa học công nghệ, nhất là công nghệ thông tin đang và sẽ góp phần đẩy nhanh việc học tập, xây dựng dung lượng thông tin và kiến thức toàn cầu, tạo cơ hội hết sức thuận lợi cho người học đồng thời cũng tạo điều kiện cho các nhà quản lý giáo dục trao đổi, chia sẻ thông tin tốt hơn với các cán bộ, nhân viên, phụ huynh và sinh viên. Mặt khác, CNTT đã tạo ra một hình thức đào tạo mới vô cùng hiệu quả - đào tạo trực tuyến (E-learning), vận dụng được tối đa sức mạnh của Internet và các phương tiện điện tử nhằm mang đến các chương trình học trực quan, có tính tương tác cao, hấp dẫn với người học.

Vấn đề thứ năm - Xây dựng và phát triển thương hiệu giáo dục đại học: Hội nhập sẽ giúp cơ sở giáo dục đại học trong nước sẽ có cơ hội hợp tác bình đẳng với các trường, các tổ chức giáo dục trên toàn thế giới. Đó là một trong những bước đệm quan trọng để nâng cao vị thế, vai trò và uy tín của các trường đại học Việt Nam trong con mắt bạn bè quốc tế.

2.3. Thách thức đặt ra cho giáo dục đại học Việt Nam trong xu thế hội nhập

Với sứ mệnh là ngành dịch vụ trực tiếp tạo ra những nhân lực ưu tú, có trình độ, khả năng để tạo ra những giá trị mới cho xã hội, trong xu thế hội nhập ngày nay, giáo dục đại học đang đứng trước nhiều thách thức. Cụ thể:



Ở khía cạnh thứ nhất - trong bối cảnh cách mạng công nghệ 4.0 chất lượng giáo dục của các quốc gia có thể được đánh giá và so sánh trên phạm vi toàn cầu theo Chỉ số vốn con người. Hệ thống giáo dục và đào tạo thiếu liên thông giữa các trình độ và giữa các phương thức giáo dục, đào tạo; còn nặng lý thuyết, nhẹ thực hành; đào tạo thiếu gắn kết với nghiên cứu khoa học, sản xuất, kinh doanh và nhu cầu của thị trường lao động; chưa tích hợp được các vấn đề toàn cầu để trang bị cho người học những kiến thức tổng hợp cùng các kỹ năng xã hội cần thiết; phương pháp giáo dục, thi cử, kiểm tra và đánh giá kết quả còn thiếu tính phù hợp, thực chất; cơ sở vật chất kỹ thuật còn thiếu và yếu.

Ở khía cạnh thứ hai - cách mạng công nghệ 4.0 cũng đang chứng kiến sự dịch chuyển chức năng

nghiên cứu và đào tạo từ khu vực Đại học sang khu vực doanh nghiệp. Các doanh nghiệp lớn hiện nay có phòng thí nghiệm riêng, có đội ngũ nghiên cứu thực hiện các nghiên cứu tốn kém. Trường đại học không còn là nơi duy nhất nghiên cứu nữa, đặc biệt là các nghiên cứu ứng dụng.

Ở khía cạnh thứ ba - Những thách thức về ngoại ngữ - đặc biệt là tiếng Anh là những cản trở không nhỏ của hệ thống giáo dục ở Việt Nam sau hơn 30 năm mở cửa và hội nhập, xét về cả hai góc độ - năng lực “đứng trên vai người khổng lồ” nhờ vào các công nghệ dựa trên Internet và tiếng Anh cũng như khả năng đáp ứng yêu cầu về học suốt đời và học liên tục.

Ở khía cạnh thứ tư - Cần thấy điểm rõ nét rằng, trường đại học không chỉ là nơi để học chữ, mà có

thể như một thành phố thu nhỏ. Nhưng thực tế hiện nay cơ sở vật chất, phòng thí nghiệm trong đào tạo một phần còn thiếu thốn, phần khác chưa thực sự đáp ứng trang thiết bị hiện đại phục vụ công tác dạy – học ở trình độ cao. Thậm chí có những cơ sở đào tạo thuê lại cơ sở bỏ không của một đơn vị nào đó để trở thành khu giảng đường thì khó có chất lượng đào tạo tốt được.

Ở khía cạnh thứ năm - Về “dân chủ”, “tự chủ”... trong giáo dục và nền giáo dục “Công dân toàn cầu” hướng đến thời công nghệ 4.0. Có thể thấy, mục tiêu của giáo dục phải là đào tạo ra con người tự do, thì mới có công dân có trách nhiệm và có cống hiến cho xã hội được, nên trong mục “dân chủ”, “tự chủ” trong giáo dục, tôi hiểu rất rõ là một cách thức khác của quan điểm “trả lại tự do” cho giáo dục và cho những người làm giáo dục.

3. Một số định hướng cơ bản cho giáo dục đại học Việt Nam trong xu thế hội nhập

Cần chủ động và tích cực hội nhập quốc tế là định hướng chiến lược lớn trong thực hiện các chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, các chiến lược phát triển ngành, lĩnh vực. Lồng ghép việc triển khai các định hướng Chiến lược hội nhập quốc tế với các chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và các chiến lược phát triển của ngành, lĩnh vực. Chú trọng khai thác hiệu quả hội nhập quốc tế, đóng góp vào việc thực hiện thắng lợi nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Các định hướng của Chiến lược hội nhập quốc tế phải được triển khai song song với quá trình phát triển nội lực và nhằm phát huy tối đa nội lực; gắn kết chặt chẽ và thúc đẩy quá trình nâng cao sức mạnh tổng hợp và năng lực cạnh tranh quốc gia, năng lực của các ngành, doanh nghiệp, quá trình tăng cường mức độ liên kết giữa các vùng, miền, khu vực trong nước, quá trình đổi mới, nhất là đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế; đẩy mạnh đổi mới trên tất cả các lĩnh vực để nâng cao hiệu quả của hội nhập quốc tế.

Hội nhập quốc tế là quá trình vừa hợp tác vừa đấu tranh; kiên định lợi ích quốc gia, dân tộc; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa của dân tộc, bản sắc chính trị của chế độ; không tham gia vào các tập hợp lực lượng, các liên minh của bên này chống bên kia.

Nâng cao hiệu quả trong hội nhập giáo dục đại học, cần chú trọng một số vấn đề cơ bản sau:

Trước hết, đổi mới tư duy giáo dục đại học hiện nay cần “*gắn với xây dựng xã hội học tập; bảo đảm các điều kiện nâng cao chất lượng; hệ thống giáo dục được chuẩn hóa, hiện đại hóa, dân chủ hóa, xã hội hóa và hội nhập quốc tế; giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa và mang đậm bản sắc dân tộc*”. Các cấp, các ngành, trước hết là Bộ Giáo dục và Đào tạo cần có sự thay đổi một cách mạnh mẽ về tư duy trong tổ chức giáo dục đại học, như thay đổi cách tuyển sinh, lựa chọn “đầu vào” theo hướng thoáng hơn, cho phép các cơ sở giáo dục đại học tự đặt ra các tiêu chuẩn tuyển sinh và chịu trách nhiệm với người học bằng chính “uy tín” đào tạo của mình, cho phép hình thành nhiều mô hình đào tạo đại học khác nhau, kiểm soát chặt chẽ “đầu ra” của mỗi cơ sở đào tạo để bảo đảm chất lượng chung...

Bên cạnh đó, cần xây dựng triết lý giáo dục cho nền giáo dục nước nhà trong giai đoạn hiện nay, đồng thời mỗi trường đại học, mỗi cơ sở giáo dục cũng cần có triết lý giáo dục riêng phù hợp với tôn chỉ, mục đích và hướng tới hội nhập vào dòng chảy phát triển chung của giáo dục quốc tế.

Mặt khác, cần đổi mới mạnh mẽ nội dung chương trình và phương pháp dạy học theo hướng hội nhập quốc tế. Nội dung chương trình và giáo trình cần được tổ chức xây dựng và triển khai theo hướng mở (cho phép cập nhật thường xuyên về kiến thức trong và ngoài nước, sử dụng giáo trình, học liệu trong nước hoặc ngoài nước một cách linh hoạt để giảng dạy cho người học), nội dung giảng dạy phải gắn chặt và phù hợp với yêu cầu thực tiễn của ngành nghề mà người học đang theo đuổi. Về phương pháp, cho phép sử dụng đa dạng các phương pháp dạy học theo nguyên tắc “lấy người học là trung tâm”, giảm tải tối đa giờ giảng trên lớp để người học có thời gian tự học và tự nghiên cứu.

Đồng thời, cần đổi mới vai trò của các cơ quan quản lý nhà nước trong tổ chức giáo dục đại học trong điều kiện hội nhập quốc tế. Cần tiếp tục bổ sung, hoàn thiện các quy định về pháp luật đối với các hoạt động giáo dục đại học trong điều kiện hội nhập quốc tế. Các cơ quan quản lý nhà nước, trước hết là Bộ Giáo dục và Đào tạo cần thay đổi cách tư duy về quản lý đối với các hoạt động giáo dục đại học trong điều kiện hội nhập quốc tế.

Cuối cùng, không ngừng tăng cường các hoạt động nghiên cứu khoa học, chú trọng sản phẩm công bố quốc tế, hướng tới quốc tế hóa các tiêu

chuẩn đánh giá công trình khoa học và các hoạt động về chuyên môn tại các cơ sở giáo dục đại học.

4. Kết luận

Cùng với quá trình đổi mới, hội nhập quốc tế là một trong những vấn đề được chú trọng hàng đầu của giáo dục đại học của Việt Nam. Trong năm qua, giáo dục đại học đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận trong nhiều lĩnh vực.

Một số cơ sở đào tạo đã chủ động, tiên phong trong việc thúc đẩy quá trình tiếp nhận chuyển giao công nghệ mới về dạy, học và quản lý giáo dục, góp phần tích cực hội nhập với các nước trong khu vực và trên thế giới. Các lĩnh vực công nghệ mới được chuyển giao bao gồm: phương pháp dạy - học, xây dựng và phát triển chương trình, biên soạn tài liệu giảng dạy; phát triển tổ chức và đội ngũ, xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch giáo dục và quản trị cơ sở giáo dục.

Đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp (CMCN) 4.0 trở thành động lực phát triển to

lớn đối với các cơ sở giáo dục đại học, đóng vai trò quyết định đến sự phát triển của mỗi nhà trường.

Tiếp tục phát huy các điều kiện thuận lợi, khắc phục những hạn chế - khó khăn còn tồn tại của giáo dục đại học, trên cơ sở thực hiện tốt các giải pháp dựa trên các định hướng cơ bản nói trên sẽ góp phần không nhỏ cho sự thành công của giáo dục đại học Việt Nam trong xu thế hội nhập hiện nay.

REFERENCES

- [1] Ministry of Education and Training (2018), A great opportunity for Vietnam's higher education.
- [2] Communist Party of Vietnam (2016), Fourth Industrial Revolution and Vietnam's Development Problem.
- [3] Duc, N.Đ. (2018). Higher education, Higher education achievements, NQ29.
- [4] <https://www.tapchiconsan.org.vn/>
- [5] <https://thanhnien.vn/giao-duc>
- [6] <http://www.newasiagloballearning.com/tin-tuc>
- [7] <http://vietnamnet.vn/vn/giao-duc/tuyen-sinh>